

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN

Ngành/Chương trình: Kinh tế học/Chương trình thạc sĩ Kinh tế kinh doanh và phân tích dữ liệu

1. Mục đích và yêu cầu

- Đánh giá động cơ, mục đích, mức độ cam kết, kế hoạch hoàn thành chương trình đào tạo của ứng viên;
- Đánh giá mức nắm vững kiến thức cơ bản của ngành kinh tế học, khả năng ứng dụng các kiến thức này vào thực tế và việc cập nhật tình hình thời sự liên quan đến ngành kinh tế học của ứng viên, khả năng làm việc với dữ liệu, tư duy dữ liệu.
- Đánh giá kỹ năng và các phẩm chất khác của ứng viên cần thiết cho việc học và làm nghề sau này.

2. Nội dung, kiến thức cơ bản cần đánh giá

2.1. Hồ sơ của người dự tuyển

Văn bằng đại học, Lý lịch, các công bố khoa học.

2.2. Nội dung phỏng vấn

Câu hỏi phỏng vấn được chia làm 3 phần:

Phần 1: Đánh giá về động cơ, mục đích, mức độ cam kết, kế hoạch học tập dự kiến của thí sinh khi tham gia CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kinh tế học

Câu hỏi ví dụ:

1. Tại sao anh/chị muốn tham gia CTĐT thạc sĩ kinh tế kinh doanh và phân tích dữ liệu?
2. Định hướng công việc/ngành nghề nghiệp của anh/chị sau khi hoàn thành CTĐT là gì?
3. Nếu trúng tuyển, anh/chị sắp xếp công việc thế nào để có thể tham gia và hoàn thành đúng hạn CTĐT?

Phần 2: Đánh giá về kiến thức của ứng viên liên quan đến ngành kinh tế học, tình hình thời sự liên quan đến ngành kinh tế học, thực tiễn áp dụng các kiến thức của ngành kinh tế học vào vị trí công việc

Câu hỏi ví dụ:

1. Anh chị hãy mô tả vai trò của giá cả trong nền kinh tế thị trường. Giải thích bằng ví dụ cụ thể.
2. Trong những điều kiện nào thì doanh nghiệp sẽ đóng cửa tạm thời? Hãy giải thích.
3. Hãy giải thích hai lợi ích từ sự tồn tại của các thương hiệu. Hãy cho ví dụ.

Phần 3: Đánh giá ứng viên về các kỹ năng cơ bản, các kỹ năng chuyên môn của ngành học (giao tiếp, trình bày, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, lãnh đạo, ...) và các phẩm chất cần thiết khác cho việc học và làm nghề sau này (ham hiểu biết, sáng tạo, kỷ luật, trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc, tính kiên định, ...), khả năng xử lý tình huống

Câu hỏi ví dụ:

1. Anh chị đã bao giờ mất bình tĩnh khi xử lý tình huống trong công việc chưa? Anh/chị rút ra được bài học gì từ tình huống đó?
2. Khi bị lãnh đạo phê bình về kết quả công việc của anh chị, anh chị sẽ xử lý tình huống này ra sao?

3. Tiêu chí và thang điểm đánh giá

3.1. Phần điểm hồ sơ của người dự tuyển: tối đa 40 điểm

Đánh giá qua văn bằng mà ứng viên nộp.

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM TỐI ĐA QUY ĐỊNH	ĐIỂM CỦA ỨNG VIÊN
Ngành phù hợp không học BSKT	Xuất sắc	30	
	Giỏi	25	
	Khá	20	
	Trung bình khá	15	
	Trung bình	10	
Ngành phù hợp của nước ngoài nhưng không có xếp loại	Không có xếp loại	22	
Ngành phù hợp đã học BSKT theo quy định	Không tính xếp loại	20	
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ (I)			/30

Đánh giá qua nghiên cứu khoa học:

1	Bài báo liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng ở tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục Scopus/WOS	10	
	- Tác giả chính	10	
	- Đồng tác giả	9	
2	Bài báo liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên: (1) Tạp chí khoa học quốc tế khác trực thuộc hoặc được bảo trợ bởi các tổ chức uy tín (các cơ sở đào tạo, nghiên cứu uy tín, các tổ chức nghề nghiệp – học thuật uy tín); (2) Tạp chí khoa học trong nước thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước với khung điểm đánh giá từ 1,0 điểm trở lên	8	
	- Tác giả chính	8	
	- Đồng tác giả	7	
3	Bài báo liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên: (1) Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia/ quốc tế có phản biện, có chỉ số ISBN (2) Tạp chí khoa học trong nước thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước với khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm đến dưới 1 điểm	6	
	- Tác giả chính	6	
	- Đồng tác giả	5	
4	Bài báo liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên: (1) Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia/ quốc tế có phản biện do các cơ sở đào tạo, nghiên cứu hoặc các tổ chức	4	

	học thuật, tổ chức nghề nghiệp tổ chức nhưng không có chỉ số ISBN (2) Tạp chí khoa học trong nước thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước với khung điểm đánh giá từ 0,5 điểm đến dưới 0,75		
	- Tác giả chính	4	
	- Đồng tác giả	3	
5	Công bố khoa học khác trên các ấn phẩm có mã số xuất bản ISBN		
	- Tác giả chính	2	
	- Đồng tác giả	1	
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI BÁO KHOA HỌC (II)			/10

Lưu ý: Tác giả chính theo quy định của tạp chí, nếu tạp chí không quy định cụ thể thì tác giả chính là tác giả thứ nhất và tác giả liên hệ

3.2. Phần điểm phỏng vấn của người dự tuyển: tối đa 60 điểm

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM TỐI ĐA QUY ĐỔI	ĐIỂM CỦA ỨNG VIÊN
1	Động cơ rõ ràng, mục đích cụ thể, mức độ cam kết cao và có kế hoạch cụ thể để hoàn thành chương trình đào tạo	15	
2	Nắm vững kiến thức cơ bản của ngành kinh tế học, có khả năng liên hệ các kiến thức này với thực tiễn, cập nhật tình hình thời sự liên quan đến ngành kinh tế học	30	
3	Có kinh nghiệm xử lý tình huống trong công việc, có các kỹ năng cơ bản, các kỹ năng chuyên môn của ngành kinh tế học (giao tiếp, trình bày, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, lãnh đạo, ...), các phẩm chất cần thiết khác cho việc học và làm nghề sau này (<i>ham hiểu biết, sáng tạo, kỷ luật, trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc, tính kiên định, ...</i>)	15	
TỔNG ĐIỂM PHỎNG VẤN CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN (III)			/60
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CUỐI CÙNG: I+II+III			/100

Ghi chú: Điểm đánh giá người dự tuyển chấm trên thang điểm 100, điểm lẻ đến 0,1 và điểm cuối cùng làm tròn đến 0,1.

4. Nội dung và tài liệu ôn tập

4.1. Tài liệu ôn tập

- Mankiw, N. Gregory (2025a). Kinh tế học vi mô. NXB Hồng Đức và Cengage.
- Mankiw, N. Gregory (2025b). Kinh tế học vĩ mô. NXB Hồng Đức và Cengage.

4.2. Nội dung ôn tập

Nội dung 1: Các lực lượng cung và cầu trên thị trường

- 1.1. Các thị trường và sự cạnh tranh
 - 1.1.1. Thị trường là gì?
 - 1.1.2. Cạnh tranh là gì?
- 1.2. Cầu
 - 1.2.1. Đường cầu: Mối quan hệ giữa lượng cầu và giá bán
 - 1.2.2. Cầu thị trường và cầu cá nhân
 - 1.2.3. Sự dịch chuyển của đường cầu

- 1.3. Cung
- 1.3.1. Đường cung: Mối quan hệ giữa mức giá và lượng cung
- 1.3.2. Cung thị trường và cung cá nhân
- 1.3.3. Sự dịch chuyển của đường cung
- 1.3.4. Sự kết hợp của cung và cầu
- 1.3.5. Cân bằng

Tham khảo: Mankiw (2025a), Tr.77 – Tr. 102

Nội dung 2: Doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh

- 2.1. Thị trường cạnh tranh là gì?
- 2.1.1. Ý nghĩa của cạnh tranh
- 2.1.2. Doanh thu của một doanh nghiệp cạnh tranh
- 2.2. Tối đa hóa lợi nhuận và đường cung của doanh nghiệp
- 2.2.1. Doanh nghiệp cạnh tranh
- 2.2.2. Đường chi phí cận biên và quyết định về đường cung của doanh nghiệp
- 2.2.3. Quyết định đóng cửa của doanh nghiệp trong ngắn hạn
- 2.2.4. Quyết định rời khỏi hay gia nhập thị trường của doanh nghiệp trong dài hạn
- 2.2.5. Đo lường lợi nhuận trên đồ thị của doanh nghiệp cạnh tranh
- 2.3. Đường cung trên thị trường cạnh tranh
- 2.3.1. Trong ngắn hạn: Đường cung thị trường khi số nghiệp doanh nghiệp không đổi
- 2.3.2. Trong dài hạn: Đường cung thị trường khi có sự gia nhập hay rời khỏi thị trường
- 2.3.3. Tại sao doanh nghiệp vẫn tiếp tục kinh doanh khi mà lợi nhuận bằng không?
- 2.3.4. Sự dịch chuyển của đường cầu trong ngắn hạn và dài hạn

Tham khảo: Mankiw (2025a), Tr. 308 – Tr. 333

Nội dung 3: Doanh nghiệp độc quyền và Cạnh tranh độc quyền

- 3.1. Doanh nghiệp độc quyền
- 3.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh nghiệp độc quyền
- 3.1.2. Tổn thất phúc lợi do độc quyền gây ra
- 3.1.3. Phân biệt giá
- 3.1.4. Chính sách của chính phủ đối với các doanh nghiệp
- 3.2. Cạnh tranh độc quyền
- 3.2.1. Giữa độc quyền và cạnh tranh hoàn hảo
- 3.2.2. Cạnh tranh bằng các sản phẩm khác biệt
- 3.2.3. Quảng cáo

Tham khảo: Mankiw (2025a), Tr. 334 - Tr. 390

Nội dung 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô: Đo lường thu nhập quốc gia và đo lường chi phí sinh hoạt

- 4.1. Đo lường thu nhập quốc gia
- 4.1.1. Thu nhập và chi tiêu của nền kinh tế
- 4.1.2. Đo lường tổng sản phẩm quốc nội
- 4.1.3. Các thành phần của GDP
- 4.1.4. GDP thực so với GDP danh nghĩa
- 4.2. Đo lường chi phí sinh hoạt
- 4.2.1. Chỉ số giá tiêu dùng
- 4.2.2. Điều chỉnh các biến số kinh tế do ảnh hưởng của lạm phát

Tham khảo: Mankiw (2025b), Tr. 215 – 252

Nội dung 5: Các công cụ cơ bản của tài chính

- 5.1. Giá trị hiện tại: Đo lường giá trị của tiền tệ theo thời gian

- 5.2. Quản lý rủi ro
 - 5.2.1. Tính không thích rủi ro
 - 5.2.2. Thị trường bảo hiểm
 - 5.2.3. Đa dạng hóa rủi ro doanh nghiệp có tính đặc thù
 - 5.2.4. Đánh đổi giữa rủi ro và sinh lời
 - 5.3. Định giá tài sản
 - 5.3.1. Phân tích cơ bản
 - 5.3.2. Giả thuyết thị trường hiệu quả
 - 5.3.3. Tính phi lý của thị trường
- Tham khảo: Mankiw (2025b), Tr. 313 – 332

Nội dung 6: Tăng trưởng tiền và lạm phát

- 6.1. Lý thuyết cổ điển về lạm phát
 - 6.1.1. Mức giá và giá trị của tiền
 - 6.1.2. Cung tiền, cầu tiền và cân bằng tiền tệ
 - 6.1.3. Tác động của việc bơm tiền
 - 6.1.4. Lường phân cổ điển và tính trung lập của tiền
 - 6.1.5. Vòng quay của tiền và phương trình số lượng
 - 6.1.6. Thuế lạm phát và Hiệu ứng Fisher
 - 6.2. Chi phí của lạm phát
 - 6.2.1. Chi phí mòn giày
 - 6.2.2. Chi phí thực đơn
 - 6.2.3. Sự biến động giá tương đối và phân bổ sai nguồn lực
 - 6.2.4. Các bóp méo thuế do lạm phát gây ra
 - 6.2.5. Chi phí đặc biệt của lạm phát ngoài dự kiến: Tái phân phối của cải
- Tham khảo: Mankiw (2025b), Tr. 387 – Tr. 416

Nội dung 7: Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở

- 7.1. Các dòng hàng hóa và dòng vốn quốc tế
 - 7.1.1. Dòng hàng hóa: Xuất khẩu, nhập khẩu và xuất khẩu ròng
 - 7.1.2. Lưu chuyển các nguồn lực tài chính: Dòng vốn ra ròng
 - 7.1.3. Sự ngang bằng giữa xuất khẩu ròng và dòng vốn ra ròng
 - 7.1.4. Tiết kiệm, đầu tư và mối quan hệ với các dòng vốn quốc tế
 - 7.2. Giá của các giao dịch quốc tế: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa và tỷ giá hối đoái thực
 - 7.3. Lý thuyết căn bản về xác định tỷ giá hối đoái: Ngang bằng sức mua
 - 7.3.1. Logic cơ bản của ngang bằng sức mua
 - 7.3.2. Hàm ý của ngang bằng sức mua
 - 7.3.3. Những hạn chế của ngang bằng sức mua
- Tham khảo: Mankiw (2025b), Tr.417 - 433

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

(Đã ký)

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)